

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ VÀ
LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

*(Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật
các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên)*

Ngày 22/11/2019, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015

Căn cứ Hiến pháp năm 2013, ngày 19/6/2015 Quốc hội đã ban hành Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Hai Luật này đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp và các chủ trương, định hướng của Đảng về Chính phủ và chính quyền địa phương, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho tổ chức, hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương các cấp. Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ với chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phát huy sự chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của chính quyền địa phương các cấp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính từ Trung ương đến cơ sở.

Sau một thời gian triển khai thực hiện, bên cạnh các kết quả đã đạt được, một số quy định của 2 Luật cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, cụ thể như sau:

a) Đối với Luật Tổ chức Chính phủ:

- Việc giao Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện làm giảm tính chủ động của địa phương trong việc tổ chức và thành lập các cơ quan chuyên môn phù hợp với điều kiện, đặc điểm, đặc thù ở mỗi địa phương.

- Nội dung quy định thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc bổ nhiệm, biệt phái, điều động, luân chuyển, kỷ luật, cho từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ, công chức tại Luật Tổ chức Chính phủ chưa

phù hợp với một số các quy định của Đảng và của pháp luật về cán bộ, công chức hiện nay.

- Thẩm quyền của Chính phủ theo quy định hiện hành vẫn còn bị hạn chế trong việc quyết định thí điểm thành lập các tổ chức thuộc cơ cấu bên trong của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ cấu bên trong của UBND, cơ quan chuyên môn thuộc UBND, đơn vị sự nghiệp công lập, làm cơ sở để thử nghiệm các mô hình quản lý mới, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách công vụ, công chức, nhằm phục vụ Nhân dân ngày một tốt hơn.

b) Đối với Luật Tổ chức chính quyền địa phương:

- Một số quy định của Luật về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền chưa được quy định rõ, nhất là chủ thể thực hiện ủy quyền gây khó khăn trong việc áp dụng và hạn chế hoạt động của chính quyền địa phương các cấp. Luật chưa có quy định để tạo cơ sở cho các luật chuyên ngành quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn không được phân cấp, ủy quyền nhằm tránh việc phân cấp, ủy quyền tràn lan, làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

- Việc tăng số lượng Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện chưa phù hợp với tình hình tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương; việc quy định số lượng Phó Trưởng ban của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện hoạt động chuyên trách đã làm tăng biên chế của chính quyền địa phương trong bối cảnh cả nước thực hiện Nghị quyết của Trung ương về tinh giản biên chế.

- Ở cấp xã, việc thực hiện quy định của Luật về số lượng Phó Chủ tịch UBND theo phân loại hành chính cơ bản phù hợp với cấp tỉnh, cấp huyện, song đã làm giảm đáng kể số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại 2, loại 3 chỉ còn 01 Phó Chủ tịch, gây khó khăn trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã.

- Luật chưa quy định mang tính nguyên tắc làm cơ sở cho các Luật chuyên ngành quy định một số nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp trong việc giải quyết một số vấn đề cụ thể ở địa phương thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

- Thường trực HĐND cấp xã được Luật quy định chỉ gồm 02 người là Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND trong khi HĐND cấp xã đã được thành lập 2 Ban là chưa phù hợp, gây khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ của Thường trực HĐND cấp xã.

- Luật không quy định thẩm quyền phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã là chưa phù hợp. Thực tế cho thấy, UBND cấp xã vẫn phải đề ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên và nghị quyết của cấp ủy đảng cùng cấp. Vì vậy, nhiều địa phương vẫn đề nghị bổ sung quy định thẩm quyền của UBND cấp xã xây dựng

trình HĐND cấp xã thông qua để trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trước khi triển khai thực hiện.

- Quy định của Luật về cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã ở hải đảo như các đơn vị hành chính trong đất liền là chưa phù hợp với các đặc thù, đặc điểm khác biệt của các đơn vị hành chính ở hải đảo.

2. Chủ trương và các định hướng lớn của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW) đã định hướng các nhiệm vụ, giải pháp để sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương. Cụ thể:

Một là, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác giữa các Bộ, ngành, các tổ chức trực thuộc các Bộ, ngành, địa phương và cơ cấu tổ chức của các cấp chính quyền địa phương; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ theo hướng một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh phân quyền, phân cấp mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ với các Bộ, ngành; giữa Chính phủ, các Bộ, ngành với chính quyền địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương để tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa Chính phủ với các Bộ, ngành; giữa Chính phủ, các Bộ, ngành với chính quyền địa phương cấp tỉnh và giữa các cấp chính quyền địa phương.

Ba là, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý. Thực hiện thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần làm rõ về lý luận và thực tiễn.

Bốn là, nghiên cứu giảm hợp lý số lượng đại biểu HĐND các cấp và giảm đại biểu HĐND công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước; giảm số lượng Phó chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND

cấp xã loại II phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động để thực hiện từ nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Năm là, quy định khung số lượng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và khung số lượng cấp phó của các cơ quan này.

Tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2020. Luật được ban hành đã cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương; đồng thời khắc phục những bất hợp lý thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích

Hoàn thiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và cơ cấu tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương, khắc phục các hạn chế, bất cập, tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự thống nhất, thông suốt của bộ máy hành chính nhà nước; phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm

Một là, thể chế hóa các chủ trương của Đảng, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII và Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội, bảo đảm sự phù hợp với các quy định của Hiến pháp năm 2013.

Hai là, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, trong đó có các luật quy định về tổ chức Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và các quy định của các Luật chuyên ngành khác liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, HĐND và UBND các cấp.

Ba là, sửa đổi những quy định không còn phù hợp, vướng mắc, bất cập; bổ sung những vấn đề mới qua quá trình tổng kết thi hành các luật này. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương.

Bốn là, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ, đồng thời thực hiện phân quyền, phân cấp mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ với chính quyền địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương.

Năm là, bảo đảm đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, hiện đại, phục vụ Nhân dân.

III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ VÀ LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Phạm vi điều chỉnh và bố cục của Luật

- Phạm vi điều chỉnh: Luật sửa đổi, bổ sung 05 điều của Luật Tổ chức Chính phủ và 38 điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Bố cục của Luật gồm 04 điều, trong đó: **(i)** Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ; **(ii)** Điều 2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; **(iii)** Điều 3 quy định về điều khoản thi hành; **(iv)** Điều 4 quy định về điều khoản chuyển tiếp.

2. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ (Điều 1)

a) Về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức và công tác thi đua, khen thưởng (Điều 23)

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 để xác định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc quy định tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức, khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 để xác định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc quy định số lượng cấp phó tối đa của người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bổ sung khoản 9 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc quyết định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Về nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ (Điều 28)

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2: Bổ cụm từ “và thống nhất” để bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc thống nhất trong quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2: Bổ sung nội dung “hoặc ủy quyền thực hiện những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 10: Bổ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc quyết định các tiêu chí, điều kiện thành lập hoặc giải thể các cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm đồng bộ với việc sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ tại Khoản 3 Điều 23.

c) Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là thành viên Chính phủ (Điều 34)

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 9: Bổ sung quy định về “cho từ chức” và “biệt phái” (tại khoản 5) và cụm từ “điều động, luân chuyển, biệt phái” (tại khoản 9) để thống nhất với thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 8: Bổ quy định thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc “quyết định thành lập các tổ chức phối hợp liên ngành” để bảo đảm thực hiện thống nhất theo thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 10 Điều 28 Luật Tổ chức Chính phủ và Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40: Giao thẩm quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định cụ thể số lượng cấp phó của người đứng đầu vụ, văn phòng, thanh tra, cục, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm bình quân không quá 03 người trên một đơn vị, bảo đảm số lượng cấp phó phù hợp với phạm vi, đối tượng và khối lượng công việc của từng đơn vị thuộc Bộ.

đ) Thay cụm từ “bất thường” tại khoản 1 Điều 44 bằng cụm từ “hợp chuyên đề, hợp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất”.

3. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Điều 2)

a) Về phân cấp, phân quyền, ủy quyền

- Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ khi thực hiện phân quyền, phân cấp phải gắn phân quyền với phân cấp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm các điều kiện cụ thể về ngân sách, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác cho các địa phương, trách nhiệm của các cơ quan khi thực hiện ủy quyền và các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền. Luật bổ sung quy định cụ thể để tránh việc phân cấp, ủy quyền tràn lan, làm giảm hiệu lực quản lý trong thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; quy định cụ thể hơn các chủ thể

được thực hiện ủy quyền (sửa đổi, bổ sung các điều 11, 12, 13, 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

b) Về mô hình tổ chức chính quyền địa phương

Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ của Nghị quyết số 18-NQ/TW, vừa tạo cơ sở pháp lý để tiến hành thí điểm mô hình chính quyền địa phương phù hợp ở những nơi có đủ điều kiện, Luật sửa đổi, bổ sung các quy định về mô hình chính quyền địa phương theo hướng linh hoạt, mềm dẻo trong việc tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 để khẳng định nguyên tắc đã được Hiến pháp năm 2013 xác định, đó là: chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 44 và Điều 58 về chính quyền địa phương ở quận và phường theo hướng: chính quyền địa phương ở quận, phường là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương để phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của từng đô thị.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 72 về chính quyền địa phương ở hải đảo theo hướng: trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện ở hải đảo chia thành các đơn vị hành chính cấp xã thì tại đơn vị hành chính cấp xã tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương. Đồng thời, để tránh tình trạng tổ chức đồng nhất như nhau giữa các cơ quan thuộc chính quyền địa phương ở địa bàn hải đảo với địa bàn ở nông thôn, đô thị, Luật sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 72 theo hướng Quốc hội phân quyền cho Chính phủ, theo đó cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc chính quyền địa phương ở địa bàn hải đảo theo quy định của Chính phủ.

- Đối với chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Luật quy định: việc tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó (Điều 75).

c) Về cơ cấu tổ chức HĐND

- Về tiêu chuẩn của đại biểu HĐND:

Luật bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định đại biểu HĐND có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

- Về số lượng đại biểu HĐND: Luật quy định giảm số lượng đại biểu HĐND các cấp ở từng loại hình đơn vị hành chính (từ 10% đến 15% mỗi đơn vị hành chính).

- Về thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp xã và số lượng Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Quy định Thường trực HĐND cấp tỉnh gồm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, các Ủy viên là Trưởng ban của HĐND cấp tỉnh. Trường hợp Chủ tịch HĐND cấp tỉnh là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách thì có một Phó Chủ tịch HĐND; trường hợp Chủ tịch HĐND dân cấp tỉnh là đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách thì có hai Phó Chủ tịch HĐND. Phó Chủ tịch HĐND hoạt động chuyên trách.

+ Giảm 01 Phó Chủ tịch HĐND cấp huyện (từ 02 người xuống còn 01 người), thường trực HĐND cấp huyện gồm Chủ tịch HĐND, một Phó Chủ tịch HĐND và các Ủy viên là Trưởng ban của HĐND. Phó Chủ tịch HĐND hoạt động chuyên trách.

+ Quy định Thường trực HĐND cấp xã gồm Chủ tịch HĐND, một Phó Chủ tịch HĐND và các Ủy viên là Trưởng ban của HĐND.

- Về Phó Trưởng Ban HĐND cấp tỉnh: quy định trường hợp Trưởng ban của HĐND cấp tỉnh là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách thì Ban có một Phó Trưởng ban; trường hợp Trưởng ban của HĐND cấp tỉnh là đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách thì Ban có hai Phó Trưởng ban. Phó Trưởng ban của HĐND cấp tỉnh hoạt động chuyên trách.

d) Về cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã

Quy định UBND cấp xã loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch (tăng 01 so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

đ) Về bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương (Điều 127)

Nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động trong việc thực hiện chủ trương của Đảng về việc hợp nhất các văn phòng, Luật sửa đổi các quy định liên quan đến bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương mang tính khái quát, quy định HĐND và UBND cấp tỉnh, HĐND và UBND cấp huyện có cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động theo quy định của pháp luật (không chỉ rõ các Văn phòng như Luật Tổ chức chính quyền địa phương); đồng thời không quy định chức danh Chánh văn phòng HĐND cấp tỉnh trong Thường trực HĐND cấp tỉnh như đã nêu ở trên và những điều khoản trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương có nêu về chức danh Chánh văn phòng HĐND cấp tỉnh.

e) Về kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội hằng năm của cấp xã

Luật bổ sung quy định HĐND cấp xã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của cấp xã (do UBND cấp xã xây dựng) trước khi trình Ủy

ban nhân dân cấp huyện phê duyệt tại khoản 4 Điều 33, khoản 3 Điều 61, khoản 3 Điều 68 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

g) Về một số nội dung khác

- Luật sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 94, khoản 1 Điều 101 về nội dung tiếp xúc cử tri và thôi làm nhiệm vụ của đại biểu HĐND.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 128 để thực hiện việc tổ chức lại các đơn vị hành chính có diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 9 quy định “Chính phủ quy định cụ thể tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện”.

- Thay cụm từ “họp bất thường” trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương thành “họp chuyên đề, họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất”.

4. Về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp (Điều 3 và Điều 4)

a) Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

b) Để bảo đảm thời gian cho việc kiện toàn tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương theo quy định mới, Luật quy định điều khoản chuyển tiếp như sau: “Từ khi Luật này có hiệu lực cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tại các đơn vị hành chính, cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Trưởng ban của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn loại II tiếp tục giữ nguyên theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH11”.

5. Về kế hoạch triển khai thi hành Luật

a) Theo quy định của Luật, đối với nội dung liên quan đến Luật tổ chức Chính phủ thì không phải ban hành văn bản của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật. Tuy nhiên, căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ theo quy định của Luật, thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội, Bộ Nội vụ sẽ trình Chính phủ sẽ ban hành các Nghị định:

- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương

- Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể và tự chủ về tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; bãi bỏ các nội dung quy định về tự chủ thực hiện nhiệm vụ và tổ chức bộ máy quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập).

- Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập).

- Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức (thay thế Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế và Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế).

b) Đối với nội dung liên quan đến Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND./.
